

## THIÊN PHÁI TÀO ĐỘNG Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM VÀ SƠN MÔN HỒNG PHÚC – HÒE NHAİ

*Tóm tắt:* Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam thế kỷ XVII ngoài thiên phái Lâm Tế do Hòa thượng Chuyết Công (1590 – 1644, người Trung Quốc) truyền bá còn có thiên phái Tào Động do Thiền sư Thủy Nguyệt (1636-1704, người Việt Nam) tu học ở Trung Quốc trở về truyền bá và phát triển. Thiên phái Tào Động phát triển rộng khắp miền Bắc Việt Nam vào thế kỷ XVII, XVIII và trở thành một thiên phái quan trọng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Trong bài viết này, bằng phương pháp lịch đại, tác giả tìm hiểu thiên phái Tào Động ở miền Bắc Việt Nam qua việc giới thiệu về thiên phái Tào Động ở Trung Quốc, Thiền sư Thủy Nguyệt và sơn môn Hồng Phúc - Hòe Nhai.

*Từ khóa:* Tào Động; Thiền sư Thủy Nguyệt; sơn môn Hồng Phúc - Hòe Nhai; miền Bắc Việt Nam.

### 1. Khái quát về thiên phái Tào Động ở Trung Quốc

Phật giáo Trung Quốc mặc dù đã trải qua rất nhiều pháp nạn, đặc biệt là ba pháp nạn: Thái Vũ Đế đời Bắc Ngụy, Vũ Đế đời Bắc Chu và Vũ Tông đời Đường, nhưng Phật giáo Trung Quốc không bị suy yếu mà càng thịnh hành ở Trung Quốc, đặc biệt là Thiên tông được rất nhiều vua chúa các triều đại ủng hộ, do đó phát triển mạnh mẽ và thấm sâu vào văn hóa Trung Quốc.

Theo Thích Giới Long, Thiên tông hình thành từ việc “Đức Thế Tôn cầm cành hoa sen giơ lên, đệ tử của ngài là Ca Diếp mỉm cười đại ngộ. Khi Phật nhập Niết Bàn, ngài truyền lại tâm ấn cho tôn giả Ca Diếp làm sơ tổ, sau truyền cho tổ A Nan... Đến tổ thứ 28 là Bồ Đề Đạt

---

\* Thích Giác Ân, Học viện Khoa học xã hội.

Ngày nhận bài: 30/8/2021; Ngày biên tập: 15/01/2022; Duyệt đăng: 25/01/2022.

Ma, ngài truyền sang Trung Hoa, từ một cành chia thành năm nhánh là Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn. Tào Động là một trong năm chi phái do Thiền sư Động Sơn Lương Giới và đệ tử là thiền sư Tào Sơn Bản Tịch sáng lập, nên ghép tên của hai thiền sư gọi là Tào Động”<sup>1</sup>.

Theo Ấn Thuận, “Đạo Nhất và Hy Thiên cùng hoằng dương thiền ở Giang Nam, hai bên tôn trọng lẫn nhau, người theo học cùng nhau qua lại tham học và hàng môn hạ vẫn duy trì truyền thống tốt đẹp này. Môn hạ của Đạo Ngộ có Sùng Tín – Long Đàm, về sau sáng lập ra hai tông Vân Môn và Pháp Nhãn. Môn hạ của Duy Nghiễm có Đàm Thạch - Vân Nham, về sau sáng lập ra tông Tào Động”<sup>2</sup>.

Thích Trúc Thông Quảng có ghi: “Vào đầu thời nhà Đường bên Trung Hoa, Thiền tông sau Lục tổ Huệ Năng rất thịnh hành. Dưới Lục tổ Huệ Năng có hai vị thượng thủ xuất cách thành lập hai hệ phái thiền song song tiếp nối thiền đốn ngộ của ngài Lục tổ. Đó là hệ Thanh Nguyên của Tổ Hành Tư và hệ Nam Nhạc của Tổ Hoài Nhượng. Truyền thừa dòng Nam Nhạc tới đời thứ năm sản sinh ra dòng thiền Lâm Tế Nam Nhạc Hoài Nhượng, Mã Tổ Đạo Nhất, Bá Trượng Hoài Hải, Hoàng Bá Hy Vận, Lâm Tế Nghĩa Huyền, do thiền sư Nghĩa Huyền ở Lâm Tế sáng lập. Thanh Nguyên cũng đến đời thứ năm xuất hiện một dòng Thiền Tào Động Thanh Nguyên Hành Tư, Thạch Đầu Hy Thiên, Dược Sơn Duy Nghiễm, Vân Nham Đàm Thạch, Động Sơn Lương Giới do thiền sư Lương Giới ở Động Sơn sáng lập. Cả hai đều nổi tiếng và lưu truyền đến đời nay”<sup>3</sup>.

Thích Thanh Kiểm cho rằng, “Thiền được Tổ Bồ Đề Đạt Ma, tổ thứ 28 của Ấn Độ truyền sang Trung Quốc. Sau khi Tổ Bồ Đề Đạt Ma viên tịch, truyền lại cho đệ tử Tuệ Khả, Tuệ Khả lại truyền lại cho đệ tử Tăng Xán, Tăng Xán truyền lại cho đệ tử là Đạo Tín, Đạo Tín lại truyền cho đệ tử Hoàng Nhãn, Hoàng Nhãn lại truyền cho hai đệ tử là Thần Tú (truyền Thiền tông về phương Bắc nên có tên “Bắc truyền”) và Huệ Năng (truyền Thiền tông về phương Nam nên gọi là “Nam truyền”). Nam truyền sau lần lượt chia thành năm tông là Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn”<sup>4</sup>.

Theo Nguyễn Lang, Thiên phái Tào Động “do hai thiền sư Động Lương Sơn Giới (807-869) và Tào Sơn Bản Tịch (840-901) sáng lập ở Sùng Thọ Viện núi Tào Sơn, Giang Tây. Sau đó một đạo tràng khác được mở tại Ngọc Hà Sơn. Hai nơi ấy là cứ điểm của phái Tào Động”<sup>5</sup>.

Theo Thích Cổ Đạo, Thiên tông của Trung Quốc có nguồn gốc từ rất lâu đời. Y bát truyền thừa từ Tổ Đạt Ma đến Ngũ tổ Hoàng Nhẫn thì Thiên tông phân chia thành Nam tông và Bắc tông. Tổ Thần Tú đi về phương Bắc nên gọi là Bắc tông, Tổ Huệ Năng đi về phía Nam nên gọi là Nam tông. Huệ Năng và Thần Tú là hai thiền sư cùng thầy là Tổ Hoàng Nhẫn. Bắc tông về sau truyền giáo bị suy vi và không còn chấn hưng. Nam tông vì lấy pháp môn trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật, bất lập văn tự, nên gọi là đốn môn, cũng gọi là tâm tông, lưu truyền lâu dài không bị suy vi. Nam tông sau phân thành hai chi là Nam Nhạc (truyền cho Mã Tổ), Thanh Nguyên (truyền cho Thạch Đầu), sau phân thành năm nhà Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn. Lâm Tế sau thành lập hai chi nữa là Hoàng Long và Dương Kỳ. Do đó, phái Nam tông còn gọi là “ngũ gia thất tông”<sup>6</sup>. Hòa thượng Thanh Nguyên Hành Tư truyền đến Tào Sơn Bản Tịch, sáu đời xướng thuyết tông phái này nên gọi là Tào Động tông<sup>7</sup>.

Có thể hình dung Thiên tông được hình thành từ Ấn Độ với 28 vị tổ sư, bắt đầu từ tổ thứ nhất là Ma Ha Ca Diếp được Phật Thích Ca Mâu Ni truyền tâm ấn, đến tổ thứ 28 là Bồ Đề Đạt Ma. Truyền thống Thiên của Trung Quốc với sáu vị tổ bắt đầu từ Tổ Bồ Đề Đạt Ma, qua Huệ Khả, Tăng Xán, Đạo Tín, Hoàng Nhẫn. Hoàng Nhẫn có hai đệ tử xuất chúng là Thần Tú và Huệ Năng đã thành lập hai phái thiên là Bắc tông và Nam tông. Thiên phái Nam tông dưới sự dẫn dắt của hai đệ tử là Nam Nhạc Hoài Nhượng và Thanh Nguyên Hành Tư có sự linh hoạt đa biến, lại đơn giản nhanh thẳng, tự do mở rộng... sáng tạo các thiền cơ ứng dụng, như: Khám thoại thiền, Mặc chiếu thiền,... Về lý luận, Thiên tông dung hợp tư tưởng các tông phái của Phật giáo, lại thông suốt các tư tưởng của Nho gia và Đạo giáo. Với tư tưởng dung hợp như vậy, Thiên tông Trung Quốc dần dần phát sinh năm dòng Thiên: Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Quy Ngưỡng và Pháp Nhãn.

Cho đến nay, chỉ còn tông Lâm Tế và Tào Động phát triển, được truyền sang các nước lân cận, như: Nhật Bản, Việt Nam, Hàn Quốc,...

Tóm lại, Thiền phái Tào Động là một trong năm tông phái đã nối tiếp và phát triển từ Thiền Tào Khê của Lục tổ Huệ Năng (638-713), Trung Hoa. Trong năm tông phái này (Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn), ba tông Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn theo hệ của thiền sư Thanh Nguyên Hành Tư (?-740) - một trong hai vị cao đệ của Lục tổ Huệ Năng, đã đắc pháp từ Lục tổ (vị kia là thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng, 677 – 744). Thiền phái Tào Động do thiền sư Động Sơn Lương Giới (807 – 869) và Tào Sơn Bản Tịch (840 – 901) tạo lập.

## **2. Thiền sư Thủy Nguyệt và sơn môn Hồng Phúc-Hồ Nhai**

### **2.1. Thiền sư Thủy Nguyệt (1636-1704)**

Theo *Tào Động tông Nam truyền tổ sư ngữ lục*<sup>8</sup>, *Thiền uyển kế đặng lục*, *Thiền sư Việt Nam*, Thiền sư Thủy Nguyệt họ Đặng tên là Đặng Giáp, sinh năm 1636 trong một gia đình Nho học ở Thanh Triều, xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Khi tuổi còn nhỏ đã học tập sách Nho, sôi kinh nấu sử, kịp thời tiến nghiệp. Đến năm 18 tuổi, một lần ứng thí kỳ thi mùa thu liền đậu đệ tứ trường, được tuyển làm công cử. Tuy nhiên, sớm nhận thức được lời Phật dạy: “Cuộc đời là vô thường, thân người là giả tạm”, năm 20 tuổi ngài xuất gia đầu Phật, tu ở chùa Hồ Đội, xã Thụy Lương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình.

Năm 1664, niên hiệu Cảnh Trị (triều vua Lê Huyền Tông), Thiền sư cùng hai đệ tử sang Hồ Châu (Trung Quốc) học đạo. Hành trình gian nan, mới tới Cao Bằng thì một người đệ tử bị mắc bệnh qua đời. Thiền sư chôn cất bên cạnh đường và khẩn nguyện: “Nay người sức mỗi, chẳng thể theo ta đi cùng, vậy tạm nghỉ nơi đây, đợi khi ta sang Bắc cầu được đạo trở về, sẽ độ cho người”. Thiền sư cùng đệ tử còn lại tiếp tục sang Hồ Châu, năm 1665 thì tới nơi. Tại đây, ban ngày ngài cùng mọi người lao động, đêm đến thì chuyên cần nghiên cứu kinh luật đạo Phật. Ít lâu sau, ngài được Hòa thượng Nhất Cú Tri Giáo cho thụ giới cụ túc. Sau nhiều năm học hỏi, một ngày, Hòa thượng gọi ngài vào và hỏi. Ngài liền trình bài kệ (dịch nghĩa):

Sáng tròn thường ở giữa hư không  
 Bởi bị mây mê vọng khởi lòng  
 Một phen gió thổi mây tứ tán  
 Thế giới hà sa sáng chiếu thông

Hòa thượng Nhất Cú Tri Giáo nghe xong bèn ban cho ngài pháp danh Thông Giác, đạo hiệu Đạo Nam thiên sư, rồi căn dặn việc hoằng truyền tông Tào Động khi trở về nước: “Người về nên tinh tấn làm Phật sự, giảng nói đề cao chính pháp, không nên chần chờ để tâm theo với vọng trần, trái lời Phật”.

Năm 1667, Thiên sư về nước, xem khắp các danh thắng ở Yên Tử, Quỳnh Lâm... sau đó đến Thượng Long, Đông Sơn, huyện Đông Triều (Quảng Ninh). Nhưng vì nơi đây đã có một vị cao tăng trụ trì, ngài liền trở xuống Hạ Long để hoằng truyền Tào Động. Dân chúng quanh vùng kéo đến nghe pháp và quy y rất đông<sup>9</sup>. Ngài đã truyền pháp cho đệ tử Tông Diễn sau một thời gian hoằng truyền tông chỉ Tào Động, rồi đến chùa Nhẫm Dương tu hành.

Nhớ lời thầy dạy phải tinh tiến làm Phật sự, thuyết giảng truyền bá tông Tào Động, phổ độ chúng sinh, Thiên sư đã đi nhiều nơi, như: chùa Tư Phúc núi Côn Sơn, chùa Vọng Lão núi Yên Tử, các chùa Quỳnh Lâm, Đông Sơn, Hạ Long, Nhẫm Dương... để hóa độ chúng sinh. Những nơi Thiên sư tới, đồ chúng đến nghe pháp và quy y rất đông: có 82 người thụ giới tỳ kheo (trong đó có Thiên sư Tông Diễn), 24 người thụ giới sa di, là lực lượng hùng hậu xiển dương tông Tào Động ở Đàng Ngoài Đại Việt<sup>10</sup>. Sau ngài trở về chùa Hạ Long, gọi ngài Tông Diễn đến và dặn các đệ tử: “Ta vào núi Nhẫm<sup>11</sup> nếu bảy ngày không thấy ta trở về thì các người tìm chỗ nào có mùi thơm là ta ở chỗ đó”. Sau bảy ngày, các đệ tử cùng nhau lên núi Nhẫm thì thấy có mùi thơm. Mọi người theo mùi hương đi sâu vào trong núi, đến trước một động đá thấy Thiên sư ngồi kiết già trên tảng đá, cơ thể ngài vẫn còn ấm, nhưng hơi thở đã không còn nữa. Thiên sư mất ngày mùng 6 tháng 3 năm Chính Hòa thứ 25 (1704), thọ 68 tuổi. Đệ tử đem nhục thân của ngài đi trà tỳ và xây một tháp ở trước động núi Nhẫm, một tháp ở đầu núi Hạ Long. Ngài được suy tôn là sơ tổ tông Tào Động Việt Nam và sơ tổ sơn môn Hồng Phúc - Hòe Nhại.

Thiền sư Thủy Nguyệt, sau đó là Thiền sư Tông Diễn là hai vị tiền bối đã có công truyền bá và đặt nền móng phát triển tông Tào Động ở phía Bắc Việt Nam. Dòng thiền Tào Động từ khi Thiền sư Thủy Nguyệt du nhập vào Việt Nam (1667) đến nay (2022) đã duy trì mạng mạch qua 355 năm với 14 đời:

Sơ tổ: Thiền sư Thủy Nguyệt Thông Giác Đạo Nam Quốc sư (1636-1704; đời thứ 36 dòng Tào Động);

Tổ thứ hai: Thiền sư Tông Diễn Chân Dung Đại Tuệ Quốc sư (1638-1709; đời thứ 37);

Tổ thứ ba: Thiền sư Từ Sơn Hành Nhất Tăng Thống (1681-1737; đời thứ 38);

Tổ thứ tư: Thiền sư Tính Chúc Đạo Chu - Tăng chính (1698-1775; đời thứ 39);

Tổ thứ năm: Thiền sư Hải Điện Mật Đa - Viên Thông Tăng thống (đời thứ 40);

Tổ thứ sáu: Thiền sư Khoan Dục Phổ Chiếu - Đạo Nguyên Tăng thống (đời thứ 41);

Tổ thứ bảy: Thiền sư Giác Đạo Tuân Minh Chính - Thanh Đàm Tăng cương (?-1848; đời thứ 42);

Tổ thứ tám: Thiền sư Lục Hòa Giác Lâm - Minh Liễu (?- 1846; pháp hiệu Lục Hòa, đời thứ 43);

Tổ thứ chín: Thiền sư Đạo Sinh - Quang Lịch pháp tự là Minh Đạt (pháp hiệu là Thanh Như, đời thứ 44);

Tổ thứ mười: Thiền sư Quang Lư, pháp tự Đường Đường (pháp hiệu là Như Như, đời thứ 45);

Tổ thứ 11: Thiền sư Chính Bình, pháp tự là Bình Bình, pháp hiệu là Vô Tướng, có thêm hiệu Thái Hoà Sa Môn (đời thứ 46);

Tổ thứ 12: Thiền sư Tâm Nghĩa - Nhân Từ (đời thứ 47);

Tổ thứ 13: Thiền sư Mật Ứng - Thiền gia Pháp chủ Giáo hội Tăng già Bắc Việt (1889-1957; đời thứ 48);

Tổ thứ 14: Thiền sư Đức Nhuận - Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1897-1993; đời thứ 49);

## **2.2. Chùa Hồng Phúc - Hòe Nhai và Sơn môn Hồng Phúc - Hòe Nhai**

### **2.2.1. Chùa Hồng Phúc - Hòe Nhai**

Chùa Hồng Phúc - Hòe Nhai hay còn gọi là chùa Hòe Nhai có cổng chính ở số 19 phố Hàng Than, cổng hậu nằm trên phố Hòe Nhai, Hà Nội. Xưa kia, nơi đây thuộc phường Hòe Nhai, tổng Thượng, huyện Vĩnh Thuận. Chùa Hòe Nhai tên tự là Hồng Phúc (vì khi xưa ngôi tam bảo cũ của chùa chuyển sang phố Hàng Than nhìn thẳng sang ngõ Hồng Phúc, nên chùa đổi tên thành Hồng Phúc). “Hồng Phúc” nghĩa là phúc lành to lớn được xuất phát từ trí tuệ Phật. Chính nhờ trí tuệ Phật mà mọi đường tu đều dẫn tới “Đáo bỉ ngạn” (bờ giác ngộ) và mọi kiếp tu đều thoát khỏi tham, sân, si, ái, ó, hỷ, nộ..., có nghĩa là nhắc nhở người ta “kiến tính” để thoát khỏi vòng sinh tử, nhập về miền “thường, lạc, ngã, tịnh”.

Hiện nay, gần chùa vẫn còn một đường phố cắt ngang phố Hàng Than mang tên Hòe Nhai. Từ tên một con đường, người ta lấy làm tên thôn và chùa nằm tại thôn này nên cũng được gọi là chùa Hòe Nhai, còn “Hồng Phúc” là tên tự của chùa. Vì vậy, có thể gọi là chùa Hồng Phúc - Hòe Nhai, hay chùa Hồng Phúc hoặc Hòe Nhai.

Theo lịch sử, ngôi chùa được khởi dựng từ thời Lý Công Uẩn (1010) ở gần kinh thành để các cung nữ tiện đi lễ Phật. Qua nhiều biến thiên của lịch sử, dấu tích từ thời Lý chỉ còn câu đối treo ở chùa có nhắc tới “Tiền Lý Hậu Lê”.

Một số tài liệu hiện lưu tại chùa cho biết chùa được xây dựng quy mô vào thời vua Lê Hy Tông. Nhà tổ được trùng tu năm Chính Hòa thứ 10 (1689). Tấm bia bên trái chùa ghi chùa được trùng tu xây dựng năm Kỷ Mão, niên hiệu Chính Hòa thứ 20 (1699). Tấm bia do Tiến sĩ Hà Tông Mục soạn năm Chính Hòa thứ 24 (1703) có ghi “chùa xây tại Hòe Nhai, tại bến Đông Bộ Đầu”. Bi ký được khắc lại vào thời Nguyễn còn có đoạn miêu tả vị trí chùa như sau:

“Hồng Phúc ở Hà Thành

Núi Nùng như vạt áo

Sông Nhị như giải lưng

Hồ Trúc Bạch chắn ngang

Dòng Tô Lịch vòng lại

Đây thực là chôn Tùng Lâm lâu đời của đất Thăng Long...”

Dưới thời Tự Đức, vị tổ thứ chín (Thiền sư Đạo Sinh, đời 44 tông Tào Động, pháp tự là Minh Đạt, pháp hiệu là Thanh Như) và tổ thứ mười (Thiền sư Quang Lư đời thứ 45 tông Tào Động pháp tự Đường Đường, pháp hiệu Như Như, cũng gọi là Hồng Phúc Sa môn) cũng đã trùng tu, làm cho chùa Hồng Phúc trở thành một danh lam thắng cảnh ở Long Thành<sup>12</sup>.

Tiếp đó, trên đòn nóc nhà tiền đường có ghi niên đại trùng tu là năm Khải Định thứ 5 (1920), còn tòa tiền đường ngoài làm năm 1946. Theo tấm bia đặt trong tòa tiền đường (bên phải), gạch ngói, gỗ sử dụng để xây chùa chuyển từ chùa Phúc Lâm (số 64 đường Yên Phụ) bị hư hỏng đến. Sau đó chùa còn trải qua nhiều lần trùng tu sửa chữa cho đến nay.

Chùa Hồng Phúc - Hòe Nhai còn lưu giữ được nhiều tượng Phật, Bồ tát, chư vị tổ sư và đồ thờ có giá trị nghệ thuật cao, điển hình là pho tượng vua mặc triều phục đang quỳ trên lưng có tượng Đức Phật ngồi. Truyền thuyết cho rằng đây là pho tượng sau khi vua Lê Hy Tông được Thiền sư Tông Diễn “dâng ngọc khai hóa”, vua giác ngộ đạo, cho tạc pho tượng này để sám hối với tạo hình đặc sắc và độc đáo nhất Việt Nam<sup>13</sup>. Chùa còn có một khánh đồng đúc năm Long Đức thứ 3 (Giáp Dần - 1734), một quả chuông đồng mang niên hiệu Tự Đức thứ 17 (Giáp Tý - 1864). Bên cạnh kinh điển, khoa giáo được lưu truyền, chùa còn lưu giữ nhiều sắc phong của các đời vua cho các thiền sư danh tăng trụ trì, đặc biệt là sắc của vua Lê Hiến Tông phong cho Thiền sư Hải Tại-Trí Tiếp (Trần Văn Chúc năm Cảnh Hưng thứ 10 - 1749).

Đặc biệt, chùa Hồng Phúc - Hòe Nhai còn là nơi Đức Pháp chủ đệ nhất Thích Đức Nhuận trụ trì. Ngài là bậc đức hạnh trong sáng, không những uyên thâm về Phật giáo mà còn thấu lý cả Nho giáo và Đạo giáo. Ngài cũng chính là người đề xướng cuộc vận động thống nhất



Phật giáo cả nước. Nhờ đó, năm 1981, Phật giáo ba miền Bắc - Trung - Nam đã thống nhất, tiến đến đại hội toàn quốc lần thứ nhất vào tháng 11 năm 1981.

### 2.2.2. Sơn môn Hồng Phúc - Hòe Nhai

Từ khi Thiền sư Thủy Nguyệt trụ trì cho đến nay, chùa Hồng Phúc - Hòe Nhai đã trải qua 15 đời trụ trì, trong đó có nhiều nhà sư được triều Lê phong sắc. Hiện nay, ở chùa còn treo một đạo sắc do vua Lê Hiến Tông phong cho nhà sư Hải Tại-Trí Tiếp (Trần Văn Chúc) năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749). Các vị tổ và trụ trì chùa Hòe Nhai gồm:

Đời trụ trì thứ nhất (đời thứ 36 dòng Tào Động): Sắc tứ Hòa thượng Thủy Nguyệt, pháp húy Thông Giác Đạo Nam thiền sư, tặng phong Độ sinh Đại thừa Bồ tát, tháp hiệu Linh Quang;

Đời trụ trì thứ hai (đời thứ 37 dòng): Sắc tứ Hòa thượng Chân Dung, pháp húy Tông Diễn, đặc biệt được phong làm Tuệ Dung hòa thượng, Đại Tuệ thiền sư, Bảo thiền phụ quốc, tặng phong Đại thừa hóa thân Bồ tát, tháp hiệu Diệu Quang;

Đời trụ trì thứ ba (đời thứ 38): Sắc tứ Tăng thống Hòa thượng Tịnh Giác, pháp húy Từ Sơn Hành Nhất thiền sư, tặng phong Phổ Tế hóa sinh Bồ tát, tháp hiệu Viên Minh;

Đời trụ trì thứ tư (đời thứ 39): Sắc tứ Hòa thượng Bản Lai, Thiện Thuận sa môn, pháp húy Tính Chúc Đạo Chu thiền sư, tặng phong Phổ Hóa độ sinh Đại Bồ tát, tháp hiệu Linh Nham;

Đời trụ trì thứ năm (ba vị thuộc đời thứ 40 phái Tào Động): Gồm sắc tứ Hòa thượng Tăng thống Đại Nguyên, pháp húy Hải Điện Mật Đa thiền sư, tháp hiệu Thường Chiếu; A xà lê Tỳ kheo Hạ thượng Tự Tại, pháp húy Hải Tại Trí Tiếp thiền sư, Lợi Sinh Bồ tát, tháp hiệu Thiệu Long; Nhu Nhã Tỳ kheo, pháp húy Thiền sư Hải Hoàng Tịnh Đức, tháp hiệu Diên Quang;

Đời trụ trì thứ sáu (đời thứ 41): Nhu Hòa Sa môn, Pháp húy Thiền sư Khoan Giáo Thiện Căn, tháp hiệu Phương Viên;

Đời trụ trì thứ bảy (đời thứ 42): Lục Hòa sa môn, pháp húy Thiền sư Giác Lâm Minh Liễu, tháp hiệu Viên Thông;

Đời trụ trì thứ tám (đời thứ 43): Thanh Như Chiêu sa môn, pháp húy Thiền sư Đạo Sinh Quang Lịch Minh Đạt, tháp hiệu Hoàng Uẩn;

Đời trụ trì thứ chín (đời thứ 44): Hồng Phúc sa môn, pháp húy Thiền sư Quang Lư, Đường Đường, tháp hiệu Quỳnh Chân;

Đời trụ trì thứ mười (đời thứ 45): Thái Hòa sa môn, pháp húy Thiền sư Chính Bình, Thích Bình Bình - Vô Tướng, tháp hiệu Phúc Thành;

Đời trụ trì thứ 11 (đời thứ 46): Pháp húy Thiền sư Tâm Nghĩa Thích Nhân Từ, tháp hiệu Phúc Long (ngài mất sớm, hòa thượng Thích Tâm Viên kế đăng);

Đời trụ trì thứ 12 (đời thứ 47): Pháp húy Hòa thượng Tâm Huy, tháp hiệu Bảo Quang;

Đời trụ trì thứ 13 (đời thứ 48): Pháp húy Hòa thượng Thanh Thiệu - Thích Đức Nhuận, tháp hiệu Kim Liên;

Đời trụ trì thứ 14 (đời thứ 49): Đạo hiệu Nguyên Cát, Pháp húy Hòa thượng Thích Thanh Khánh;

Đời trụ trì thứ 15: Thượng tọa Thích Tâm Hoan, đương kim trụ trì.

Như vậy, đến nay chùa Hòe Nhai đã truyền đăng trụ trì đến đời thứ 15<sup>14</sup>.

Cúng tổ khoa Hồng Phúc Tự thống kê rằng Thiền sư Tông Diễn độ được 83 đệ tử. Thiền sư Từ Sơn Hành Nhất kế đăng nhị tổ Tông Diễn cũng độ được 17 tỳ kheo và 15 sa di<sup>15</sup>. Thiền sư Tông Diễn đã cho khắc in kinh Hoa Nghiêm để ở chùa Báo Thiên, khắc in kinh Pháp Hoa để ở chùa Khánh Sơn.

Sơn môn Hồng Phúc - Hòe Nhai hình thành và là sơn môn đầu tiên của tông Tào Động phía Bắc Việt Nam được tính từ thời điểm Thiền sư Tính Trí Giác Quán, đời thứ 39 dòng Tào Động và là đời trụ trì thứ 4 chùa Hòe Nhai. Đến đời trụ trì thứ 5 của chùa Hòe Nhai, sơn môn Hồng Phúc - Hòe Nhai đã là một sơn môn Tào Động lớn nhất phía Bắc. Từ Sơn môn Hồng Phúc – Hòe Nhai, các thiền sư thuộc sơn môn đã tỏa đi các nơi để phát triển tông Tào Động. Chỉ tính riêng ở Hà Nội đã có: Thiền sư Khoan Nhân khai sáng chùa Quảng Bá, Thiền sư

Khoan Giai khai sáng chùa Bà Đá, Thiền sư Khoan Giáo khai sáng chùa Phổ Giác, Thiền sư Khoan Hòa khai sáng chùa Hưng Long (Đan Phượng), Thiền sư Khoan Thiệu - trụ trì chùa Lại Yên (Nhạ Phúc Tự), Hoài Đức, Thiền sư Khoan Tích - trụ trì chùa Ái Mộ, Long Biên,...

### **Kết luận**

Ở Đàng Ngoài, thiền phái Tào Động được Thiền sư Thủy Nguyệt Thông Giác đưa về từ Trung Quốc. Buổi đầu, thiền phái này không nhận được sự ủng hộ của triều đình. Đến đời thứ hai, với tài đức của Thiền sư Tông Diễn, dòng thiền này dần được triều đình ủng hộ và nhanh chóng phát triển. Sơn môn Hồng Phúc - Hòe Nhai trở thành sơn môn Tào Động lớn nhất ở Đàng Ngoài vào cuối thế kỷ XVII. Tiếp sau nhị tổ Tông Diễn, các thế hệ thiền sư đã phát triển tông Tào Động ở Đàng Ngoài, lan tỏa về các tỉnh Sơn Tây, Hà Đông, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Nhiều chùa tháp được xây dựng, thu hút tín đồ khắp chốn, khuyến khích người người làm việc thiện, giúp cho lòng dân an lành, phù trợ cho vận nước vững bền.

Chùa Hồng Phúc - Hòe Nhai vốn là một ngôi chùa có bề dày lịch sử, gần kinh thành, được tầng lớp quý tộc thời Hậu Lê quan tâm nên đã dần phát triển, trở thành sơn môn lớn nhất kinh thành Thăng Long cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII. Trải qua 15 đời trụ trì, sơn môn Hồng Phúc - Hòe Nhai đã tiếp nối dòng thiền Tào Động Việt Nam phát triển từ cung đình ra dân chúng. Nhiều chùa chiền thuộc tông phái được xây dựng và trở thành những trung tâm hoằng pháp, độ sinh; nhiều bậc cao tăng cũng từ đây xuất hiện góp phần làm cho Phật giáo nước nhà ngày càng phát triển. Có thể nói, cho đến nay, chùa Hòe Nhai vẫn là chốn tổ của sơn môn Hồng Phúc - Hòe Nhai. /.

---

### **CHÚ THÍCH:**

- 1 Thích Giới Long (2014), 龍華禪寺歷大住持和名僧 *Long Hoa Thiền tự lịch đại danh tăng trụ trì*, Nxb. Thiên Mã.
- 2 中國禪宗史 *Lịch sử Thiền Tông Trung Quốc*, của tác giả 印順 (1906-2005), Nxb. Chánh Văn ấn hành năm 1980, tại Đài Bắc, Đài Loan. Thích Hạnh Bình cùng các học viên Di Đạt, Tịnh Đức, Huệ Hải, Liên Hội, Niệm Huệ, Diệu Liên, Đoan Nhã và Chơn Phổ biên dịch (2016), Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.

- 3 Thích Trúc Thông Quảng (2016), *Thiền tông Lâm Tế, Tào Động*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- 4 Thích Thanh Kiểm (1991), *Lịch sử Phật giáo Trung Quốc*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành.
- 5 Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 2. Nxb. Văn học, Hà Nội.
- 6 Thích Cô Đạo (2014), *中國佛教漕洞宗祖庭 Todd đình tông Tào Động Phật giáo Trung Quốc*, Công ty TNHH Yichun Tongmao ấn tống.
- 7 Như Sơn (2015), *Thiền Uyển Kế Đăng Lục*, Thích Thiện Phước dịch, Song Hào Lý Việt Dũng hiệu đính, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- 8 Tăng thống Đạo Nguyên Thích Khoan Dự biên soạn, Tào Động môn nhân Đức Nguyên Thích Tiến Đạt dịch (2015), *Tào Động tông Nam truyền tổ sư ngũ lục*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- 9 Vào ngày 9 và 10 tháng 11 năm 2015, chúng tôi đã có dịp khảo sát tại Thượng Long, Trung Long và Hạ Long. Hiện ở Thượng Long chỉ còn nền móng cũ của một ngôi chùa, trước đó còn một ngôi mộ mới được sửa sang lại ghi dòng chữ: Vĩnh Tổ thiền sư; trên tấm bia đá khắc đậm dòng chữ: Hòa thượng Thích Tâm Hương từ kheo hiệu Diệu. Theo Hòa thượng Thích Quảng Tùng, ngôi mộ này khoảng vài trăm năm. Ở Hạ Long, chỉ còn một ngôi tháp mộ sư ghi dòng chữ Hán: Linh Bảo Tháp. Nhìn nét chữ Hán mềm mại, chúng tôi cho rằng ngôi mộ này có niên đại Hậu Lê. Theo người dẫn đường, trước đây, ở khu vực này, có rất nhiều tháp mộ sư, nhưng sao đó bị đào xới nên hư hại hết, chỉ còn ngôi tháp này tương đối nguyên vẹn.
- 10 漕洞宗正派 - 供祖科 - 洪福寺 “Tào Động chính phái - Cúng tổ khoa – Hồng Phúc tự”, bản viết tay do đệ tử Lại Ngọc Quỳnh chép năm 1892, tàng bản tại chùa Hồng Phúc-Hồe Nhại.
- 11 Núi Nhãm Dương, xã Duy Tiên, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- 12 *Tuyển tập văn Bia Hà Nội*, tập 1, 2 (1978), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 13 Ngày 12 tháng 12 năm 2017, pho tượng này được xác lập Kỷ lục Việt Nam là “pho tượng kép bằng gỗ lớn nhất”.
- 14 Thích Bảo Nghiêm, Võ Văn Tường (2003), *Hà Nội danh lam cổ tự*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu tiếng Việt

1. Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng (2000), *Các triều đại Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.

2. Tăng thống Đạo Nguyên Thích Khoan Dực (biên soạn), Tào Động môn nhân Đức Nguyên Thích Tiến Đạt (dịch, 2015), *Tào Động tông Nam truyền tổ sư ngũ lục*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
3. Thích Thanh Kiểm (1991), *Lịch sử Phật giáo Trung Quốc*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, t.4, Nxb. Văn học, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. *Lịch sử Thiền Tông Trung Quốc* (中國禪宗史), tác giả 印順 (1906-2005), Nxb. Chánh Văn ấn hành năm 1980, tại Đài Bắc, Đài Loan; Thích Hạnh Bình cùng các học viên Di Đạt, Tịnh Đức, Huệ Hải, Liên Hội, Niệm Huệ, Diệu Liên, Đoan Nhã và Chơn Phổ biên dịch (2016), Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Thích Bảo Nghiêm, Võ Văn Tường (2003), *Hà Nội danh lam cổ tự*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Thích Trúc Thông Quảng (2016), *Thiền tông Lâm Tế, Tào Động*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Như Sơn (2015), *Thiền Uyển Kế Đăng Lục*, Thích Thiện Phước dịch, Song Hào Lý Việt Dũng hiệu đính, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
9. *Tuyển tập văn Bia Hà Nội, tập 1, 2* (1978), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Thích Thanh Từ (2008), *Thiền sư Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Tài liệu tiếng nước ngoài**

1. 漕洞宗正派 - 供祖科 - 洪福寺 “Tào Động chính phái - Cúng tổ khoa – Hồng Phúc tự”, bản viết tay do đệ tử Lại Ngọc Quỳnh chép năm 1892, tàng bản tại chùa Hồng Phúc - Hòe Nhai.
2. Thích Giới Long (2014), 龍華禪寺歷大住持和名僧 Long Hoa Thiền tự lịch đại danh tăng trụ trì, Nxb. Thiên Mã.
3. Thích Cổ Đạo (2014), 中國佛教漕洞宗祖庭 Tổ đình tông Tào Động Phật giáo Trung Quốc, Công ty TNHH Yichun Tongmao ấn tống.
4. 漕洞宗正派 - 供祖科 - 洪福寺 “Tào Động chính phái - Cúng tổ khoa – Hồng Phúc tự”, Bản viết tay do đệ tử Lại Ngọc Quỳnh chép năm 1892, tàng bản tại chùa Hồng Phúc - Hòe Nhai.

**Abstract****CAODONG SCHOOL IN THE NORTH VIETNAM AND HONG PHUC-HOE NHAI PAGODA****Hoang Thi Lan Anh***Graduate Academy of Social Sciences, VASS*

In the seventeenth century, in addition to the Lam Te Zen sect, propagated by the Venerable Chuyết Công (a Chinese, 1590-1644), there was also the Cao Dong Zen sect in North Vietnam, led by Thuy Nguyet (a Vietnamese Zen Master, 1636-1704) studied in China and returned to propagate it. The Cao Dong school developed widely throughout Northern Vietnam in the seventeenth and eighteenth centuries and became an important Zen sect in Vietnamese Buddhist history. By the chronological method, this article indicates the Cao Dong Zen sect in northern Vietnam through the introduction of the Cao Dong school in China, Zen master Thuy Nguyet and the Hong Phuc - Hoe Nhai Zen sect.

**Keywords:** Cao Dong; Zen Master Thuy Nguyet; Hong Phuc - Hoe Nhai; Northern Vietnam.